

BÁO CÁO

**V/v đề xuất điều chỉnh danh mục đầu tư
và kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025.**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
sửa đổi, bổ sung ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện Bù Đăng về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Qua đó, UBND huyện Bù Đăng xin báo cáo Hội đồng nhân dân huyện một số nội dung cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư và kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025:

Theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bù Đăng về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tổng kế hoạch vốn là 1.274.079 triệu đồng

Dự kiến điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tổng kế hoạch vốn 1.386.509 triệu đồng, tăng so với Nghị quyết số 41/NQ-HĐND 112.430 triệu đồng; cụ thể:

- Danh mục dự kiến thay đổi tên danh mục và thay đổi tổng mức đầu tư so với Nghị quyết số 41/NQ-HĐND tổng kế hoạch vốn tăng 23.780 triệu đồng; Gồm 24 danh mục (kèm biểu chi tiết tại biểu số 1).

- Danh mục dự kiến bổ sung mới so với Nghị quyết số 41/NQ-HĐND tổng kế hoạch vốn tăng 223.850 triệu đồng; Gồm 33 danh mục (kèm biểu chi tiết tại biểu số 2).

- Danh mục dự kiến đưa ra so với Nghị quyết số 41/NQ-HĐND tổng kế hoạch vốn giảm 135.200 triệu đồng; Gồm 16 danh mục (kèm biểu chi tiết tại biểu số 3).

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện điều chỉnh danh mục và kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025. UBND huyện Bù Đăng.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT, (H).

CHỦ TỊCH



Trần Thanh Hòa

**BIỂU SỐ 1: THAY ĐỔI TÊN DANH MỤC VÀ THAY ĐỔI TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
SO VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 41/NQ-HĐND NGÀY 23/12/2020
ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(kèm theo Báo cáo số 123/BC-UBND ngày 11 / 6/2021 của UBND huyện Bù Đăng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Tổng mức đầu tư theo NQ 41/NQ-HĐND	Tổng kế hoạch vốn tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng			
	TỔNG SỐ	331.920	9.636	322.284	292.477	29.807	308.140	23.780	
1	Xây dựng Trường TH Xuân Hồng (điểm mới).	23.500	9.636	13.864	13.864	-	30.000	(6.500)	Giảm tổng mức đầu tư từ 30 tỷ xuống 23,5 tỷ
2	Xây dựng 10 phòng lầu Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái (điểm thôn 5), xã Đồng Nai	6.000	-	6.000	6.000	-	6.000	-	Đổi tên dự án: theo 41: XD khối phòng hành chính quản trị trường TH&THCS Đoàn Đức Thái, xã Đồng Nai
3	Mua sắm trang thiết bị Trường TH Bom Bo, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng	2.800	-	2.800	2.800	-	3.000	(200)	Giảm tổng mức đầu tư từ 3,12 tỷ xuống 2,8 tỷ
4	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường TH Đăk Nhau	6.000	-	6.000	6.000	-	6.500	(500)	Giảm tổng mức đầu tư từ 6,5 tỷ xuống 6 tỷ
5	Xây dựng 05 phòng hành chính, 02 phòng học, 02 phòng phụ trợ Trường MG Thanh Bình, xã Đường 10	5.050		5.050	5.050		12.000	(6.950)	Đổi tên và tổng mức đầu tư: '- Theo NQ 41 XD khối phòng hành chính quản trị, các hạng mục phụ trường MG Thanh Bình, xã Đường 10; '- Tổng mức đầu tư từ 12 tỷ xuống 5,05 tỷ
6	Xây dựng 14 phòng học, 08 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng khác Trường TH Đức Phong, thị trấn Đức Phong	23.100		23.100	20.790	2.310	20.400	2.700	- Theo NQ 41 thay 02 dự án: Xây dựng 18 phòng học và 4 phòng chức năng trường TH Đức Phong và DAXD 12 phòng học lầu trường TH đức phong, TT Đức Phong. Thành dự án: Xây dựng 14 phòng học, 08 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng khác Trường TH Đức Phong, thị trấn Đức Phong, '- Tăng tổng mức đầu tư từ 20,4 tỷ lên 23,1 tỷ
7	Xây dựng 08 phòng học Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn	5.200		5.200	5.200		23.740	(18.540)	- Theo NQ 41 thay 3 dự án: XD 6 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Thọ Sơn; XD khu hiệu bộ Trường TH Thọ Sơn; XD 6 phòng học lầu Trường TH Thọ Sơn (điểm chính). Thành dự án: Xây dựng 08 phòng học Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn (tổng mức đầu tư 03 dự án 15,6 tỷ), '- Giảm tổng mức đầu tư từ 18 tỷ xuống 5,2 tỷ

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Tổng mức đầu tư theo NQ 41/NQ-HĐND	Tổng kế hoạch vốn tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng			
8	Xây dựng 15 phòng học, 09 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết	26.550		26.550	23.895	2.655	18.000	8.550	- Theo NQ 41 thay 2 dự án: XD 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đoàn Kết; DA XD khu hiệu bộ Trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết. Thành dự án Xây dựng 15 phòng học, 09 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết, '- Tăng tổng mức đầu tư từ 18 tỷ lên 26,55 tỷ
9	Xây dựng 02 phòng học Trường TH Phước Sơn, xã Phước Sơn	1.300		1.300	1.300	-	10.800	(9.500)	- Đổi tên dự án và tổng mức đầu tư Theo NQ 41 thay dự án: XD 4 phòng học và 4 phòng chức năng khối hiệu bộ Trường TH Phước Sơn; '- Giảm tổng mức đầu tư từ 10,8 tỷ xuống 1,3 tỷ
10	Xây dựng 08 phòng học Trường TH Đắk Nhau, xã Đắk Nhau	5.200		5.200	5.200	-	20.400	(15.200)	Đổi tên DA Theo NQ 41 DA: XD 10 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Đắk Nhau, xã Đắk Nhau '- Giảm tổng mức đầu tư từ 20,4 tỷ xuống 5,2 tỷ
11	Xây dựng 02 phòng học Trường TH Thống Nhất, xã Thống Nhất	1.300		1.300	1.300		4.800	(3.500)	Đổi tên DA, '- Theo NQ 41 DA: XD 4 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Thống Nhất '- Giảm tổng mức đầu tư từ 4,8 tỷ xuống 1,3 tỷ
12	Xây dựng 02 phòng bộ môn, 02 hỗ trợ học tập và 06 phòng hành chính Trường MN Hoa Sen, xã Đoàn Kết	7.800		7.800	7.020	780	6.000	1.800	Đổi tên DA, Theo NQ 41 Dự án XD khu hiệu bộ Trường MG Hoa Sen, xã Đoàn Kết, Tăng tổng mức đầu tư từ 6 tỷ lên 7,8 tỷ
13	Xây dựng 35 phòng học, 08 phòng bộ môn, 04 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Kim Đồng, xã Đức Liễu	38.800		38.800	34.920	3.880	13.200	25.600	Thay đổi tên DA '- Theo NQ 41 DA: Xây dựng 18 phòng học và 04 phòng chức năng Trường TH Kim Đồng, xã Đức Liễu, '- Tăng tổng mức đầu tư từ 13,2 tỷ lên 38,8 tỷ
14	Xây dựng 09 phòng học, 11 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Minh Hưng, xã Minh Hưng	24.250		24.250	21.825	2.425	17.100	7.150	- Theo NQ 41 thay 02 dự án: XD 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Minh Hưng; XD khối phòng hành chính quản trị, phòng chức năng Trường TH Minh Hưng. Thành DA: Xây dựng 09 phòng học, 11 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Minh Hưng, xã Minh Hưng, '- Tăng tổng mức đầu tư từ 17,1 tỷ lên 24,25 tỷ
15	Xây dựng 15 phòng học, 06 phòng bộ môn, 04 phòng hành chính và các phòng chức năng Trường TH Đức Liễu, xã Đức Liễu	21.450		21.450	19.305	2.145	7.200	14.250	Thay đổi tên DA '- Theo NQ 41 DA XD 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đức Liễu '- Tăng tổng mức đầu tư từ 7,2 tỷ lên 21,45 tỷ

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Tổng mức đầu tư theo NQ 41/NQ-HĐND	Tổng kế hoạch vốn tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng			
16	Xây dựng 05 phòng học, 06 phòng bộ môn, 03 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đăk Nhau	14.250		14.250	12.825	1.425	14.400	(150)	Thay đổi tên DA '- Theo NQ 41 DA: XD 10 phòng học và 4 phòng chức năng khối hiệu bộ Trường TH Trần Quốc Toàn xã Đăk Nhau '- Giảm tổng mức đầu tư từ 14,4 tỷ xuống 14,25 tỷ
17	Xây dựng 12 phòng học Trường TH Phú Sơn, xã Phú Sơn	7.800		7.800	7.020	780	7.200	600	Thay đổi tên DA '- Theo NQ 41 DA: XD 8 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Phú Sơn, xã Phú Sơn '- Tăng tổng mức đầu tư từ 7,2 tỷ lên 7,8 tỷ
18	Xây dựng 06 phòng học bộ môn, các phòng và hạng mục khác Trường TH Nguyễn Thái Bình, xã Thống Nhất	7.350		7.350	6.615	735	6.000	1.350	- Theo NQ 41 có 02 dự án trùng nội dung: XD 4 phòng chức năng Trường TH Nguyễn Thái Bình xã Thống Nhất; Thành DA: Xây dựng 06 phòng học bộ môn, các phòng và hạng mục khác Trường TH Nguyễn Thái Bình, xã Thống Nhất, '- Tăng tổng mức đầu tư từ 6 tỷ lên 7,35 tỷ
19	Xây dựng 02 phòng bộ môn, 05 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường MG Phước Sơn, xã Phước Sơn	6.450		6.450	5.805	645	6.000	450	Thay đổi tên DA '- Theo NQ 41 DA: XD khối phòng hành chính quản trị Trường MG Phước Sơn, '- Tăng tổng mức đầu tư từ 6 tỷ 3 lên 6,45 tỷ
20	Xây dựng 09 phòng học bộ môn, 03 phòng hành chính, 02 phòng hỗ trợ học tập, 02 phòng phụ trợ và các hạng mục khác Trường THCS Võ Trường Toàn, xã Phước Sơn	14.050		14.050	12.645	1.405	6.000	8.050	Thay đổi tên DA '- Theo NQ 41 DA: XD khối phòng hành chính quản trị Trường THCS Võ Trường Toàn, xã Phước Sơn '- Tăng tổng mức đầu tư từ 6 tỷ lên 14,05 tỷ
21	Xây dựng 15 phòng bộ môn, 03 phòng hỗ trợ, 03 phòng phụ trợ, 09 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH&THCS Nghĩa Bình, xã Nghĩa Bình	39.020		39.020	35.118	3.902	18.000	21.020	- Theo NQ 41 thay 2 dự án: XD 12 phòng học và 8 phòng chức năng Trường TH&THCS Nghĩa Bình xã Nghĩa Bình; XD khối phòng hành chính, quản trị Trường TH&THCS Nghĩa Bình xã Nghĩa Bình. Thành DA: Xây dựng 15 phòng bộ môn, 03 phòng hỗ trợ, 03 phòng phụ trợ, 09 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH&THCS Nghĩa Bình, xã Nghĩa Bình , '- Tăng tổng mức đầu tư từ 18 tỷ lên 39,02 tỷ
22	Xây dựng 06 phòng học, 05 phòng bộ môn, 04 phòng hành chính, các phòng khác Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà	12.250		12.250	11.025	1.225	20.400	(8.150)	Thay đổi tên DA '- Theo NQ 41 DA: XD 20 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà '- Giảm tổng mức đầu tư từ 20,4 tỷ xuống 12,25 tỷ
23	Xây dựng 01 phòng bộ môn, 6 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường MN Đăng Hà, xã Đăng Hà	7.450		7.450	6.705	745	6.000	1.450	Thay đổi tên DA '- Theo NQ 41 DA: XD khu hiệu bộ Trường MG Hoa Cúc xã Đăng Hà. '- Tăng tổng mức đầu tư từ 6 tỷ lên 7,45 tỷ

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Tổng mức đầu tư theo NQ 41/NQ-HĐND	Tổng kế hoạch vốn tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng			
24	Xây dựng đường từ D1 nối dài thị trấn Đức Phong đi xã Minh Hưng	25.000		25.000	20.250	4.750	25.000	-	Thay đổi tên DA - Theo NQ 41 DA: XD khối phòng hành chính quản trị, 6 phòng học, 10 phòng chức năng và 20 phòng ở ký túc xá Trường PTDTNT THCS Điều Ong, TT Đức Phong

**BIỂU SỐ 2: DANH MỤC DỰ KIẾN BỔ SUNG MỚI SO VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 41/NQ-HĐND NGÀY 23/12/2020
ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(kèm theo Báo cáo số ¹²³/BC-UBND ngày 11/6/2021 của UBND huyện Bù Đăng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
	Tổng cộng	223.850	-	223.850	197.120	26.730	
1	Sửa chữa mương thoát nước trường Mẫu giáo Hoa Hồng, xã Đăk Nhau	750	-	750	750	-	
2	Mua sắm trang thiết bị Trường TH Đăk Hà, xã Đăk Hà	700	-	700	700	-	
3	Đối ứng vốn chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	10.000		10.000	10.000	-	
4	Xây dựng 16 phòng học trường TH Lê Văn Tám, xã Nghĩa Trung	10.400		10.400	9.360	1.040	
5	Xây dựng 09 phòng học, 09 phòng bộ môn, 02 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác trường THCS Thọ Sơn, xã Thọ Sơn	20.200		20.200	18.180	2.020	
6	Xây dựng 02 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường MG Hoa Hồng, xã Đăk Nhau	5.750		5.750	5.175	575	
7	Xây dựng 1 phòng học bộ môn và một số hạng mục khác Trường MN Minh Hưng, xã Minh Hưng.	1.350		1.350	1.215	135	
8	Xây dựng 02 phòng học, 01 phòng học bộ môn, 01 phòng hành chính, một số hạng mục Trường MG Đức Liễu, xã Đức Liễu	3.000		3.000	2.700	300	
9	Xây dựng 01 phòng học và một số hạng mục khác Trường MN Hòa Mĩ, thị trấn Đức Phong	1.350		1.350	1.215	135	
10	Xây dựng 02 phòng học, 05 phòng bộ môn, 01 phòng hành chính, 1 phòng hỗ trợ học tập và các hạng mục khác trường THCS Đức Liễu, xã Đức Liễu	7.650		7.650	6.885	765	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
11	Xây dựng 01 phòng học bộ môn, 01 phòng học hỗ trợ học tập, 01 phòng hành chính và các hạng mục khác Trường MN Hướng Dương, xã Phú Sơn	2.350		2.350	2.115	235	
12	Xây dựng 01 phòng học, 01 phòng hành chính, và các hạng mục khác Trường MG Tuổi Thơ, xã Đức Liễu	2.050		2.050	1.845	205	
13	Xây dựng 02 phòng học, 01 phòng bộ môn và 02 phòng hành chính Trường MG Vành Khuyên, xã Bom Bo	3.000		3.000	2.700	300	
14	Xây dựng 01 phòng học và 02 phòng hành chính Trường MG Hoa Mai, xã Bình Minh	1.700		1.700	1.530	170	
15	Xây dựng 02 phòng học, 02 phòng bộ môn và 03 phòng hành chính Trường MG Sao Mai, xã Nghĩa Trung	4.350		4.350	3.915	435	
16	Xây dựng 07 phòng bộ môn, 01 phòng hỗ trợ học tập và các hạng mục khác Trường TH Xuân Hồng, xã Bình Minh	8.000		8.000	7.200	800	
17	Xây dựng 06 phòng bộ môn, 01 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung	10.000		10.000	9.000	1.000	
18	Xây dựng 03 phòng bộ môn, 01 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Quang Trung, xã Phú Sơn	7.000		7.000	6.300	700	
19	Xây dựng 05 phòng học bộ môn và các hạng mục khác Trường THCS Phan Bội Châu, thị trấn Đức Phong	6.000		6.000	5.400	600	
20	Xây dựng 07 phòng bộ môn, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Nguyễn Trường Tộ, xã Đức Liễu	8.700		8.700	7.830	870	
21	Xây dựng 05 phòng học bộ môn, 01 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Bình Minh, xã Bình Minh	6.350		6.350	5.715	635	
22	Xây dựng 02 phòng học, 06 phòng học bộ môn, 02 phòng hỗ trợ học tập, 04 phòng phụ trợ Trường THCS Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung	11.200		11.200	10.080	1.120	
23	Xây dựng 01 phòng học bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và các hạng mục khác Trường MG Tuổi Hồng, xã Nghĩa Bình	7.450		7.450	6.705	745	
24	Xây dựng 12 phòng bộ môn, 01 phòng hành chính và các hạng mục khác trường THCS Minh Hưng, xã Minh Hưng	14.050		14.050	12.645	1.405	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
25	Xâm nhập nhựa đường Ngã 3 ông Tám vào Ngã 3 Nông trường Phú Thịnh (02 đoạn)	4.500		4.500	4.500	-	
26	Cầu Sơn Lang (qua Sông Lấp), xã Phú Sơn	6.000		6.000	4.860	1.140	
27	Đường liên xã khu 24, xã Bình Minh	6.000		6.000	4.860	1.140	
28	Nạo vét suối cầu 23 đến chợ Bù na, xã Nghĩa Trung	6.000		6.000	4.860	1.140	
29	Thâm nhập nhựa đường Đồi sao thôn 1 đi thôn 2 nối dài, xã Đường 10	5.000		5.000	4.050	950	
30	Cầu nối xã Đức Liễu và xã Phước Sơn	15.000		15.000	12.150	2.850	
31	Sửa chữa, nâng cấp đường liên thôn 7,8,9,10 dài 11 km, xã Bom Bo	5.000		5.000	4.050	950	
32	Nâng cấp, sửa chữa đường Thôn 04 đi thôn 8 dài 6 km, xã Minh Hưng	15.000		15.000	12.150	2.850	
33	Nâng cấp vỉa hè, mương thoát nước, điện chiếu sáng đường Nguyễn Thị Minh Khai - thị trấn Đức Phong	8.000		8.000	6.480	1.520	

BIỂU SỐ 3: DANH MỤC DỰ KIẾN ĐƯA RA SO VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 41/NQ-HĐND NGÀY 23/12/2020
ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(kèm theo Báo cáo số 123/BC-UBND ngày 11/ 6/2021 của UBND huyện Bù Đăng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
	TỔNG SỐ		135.200	135.200	110.922	24.278	
1	Nâng cấp đường Đoàn Đức Thái (nối dài) 0,5km		2.000	2.000	1.620	380	
2	Nâng cấp, đường vào sóc Bù Ra Mang (0,7km)		1.200	1.200	972	228	
3	Nâng cấp đường từ Đồng Nai đi QL14 xã Phú Sơn		7.000	7.000	5.670	1.330	
4	Xây dựng đường BTXM, trồng cây xanh dọc các tuyến đường xã Đức Liễu		45.000	45.000	36.450	8.550	
6	Xây dựng Hệ thống cấp nước tập trung xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng		5.000	5.000	4.050	950	
7	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng		5.000	5.000	4.050	950	
8	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng		5.000	5.000	4.050	950	
9	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng		5.000	5.000	4.050	950	
10	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng		5.000	5.000	4.050	950	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
11	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng		5.000	5.000	4.050	950	
12	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng		5.000	5.000	4.050	950	
13	Xây dựng 01 phòng học (Điểm thôn 6) Trường TH Đồng Nai, xã Đồng Nai	Số 3103/QĐ- UBND ngày 25/12/2020	600	600	600	-	
14	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang và xây dựng các chợ ở các xã		30.000	30.000	24.300	5.700	
15	XD 14 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Lê Hồng Phong, xã Phước Sơn		10.800	10.800	9.720	1.080	
16	XD 6 phòng học lầu Trường TH Lê Hồng Phong xã Phước Sơn		3.600	3.600	3.240	360	